

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	CHIA THEO KHỐI LỚP			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	SỐ HỌC SINH THEO KẾT QUẢ RÈN LUYỆN	900	235	261	241	163
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	807 90.1%	214 91.1%	232 88.9%	207 85.9%	154 94.5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	93 9.9%	21 8.9%	29 11.1%	34 14.1%	9 5.5%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
II	SỐ HỌC SINH CHIA THEO KẾT QUẢ HỌC TẬP					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	230 25.1%	77 32.8%	59 22.6%	64 26.6%	30 18.4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	242 27.2%	57 24.3%	76 29.1%	58 24.1%	51 31.3%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	416 46.4%	98 41.7%	119 45.6%	119 49.4%	80 49.1%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 1.3%	3 1.3%	7 2.7%	0 0.0%	2 1.2%
III	TỔNG HỢP KẾT QUẢ CUỐI NĂM	900	235	261	241	163
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	888 98.7%	232 98.7%	254 97.3%	241 100.0%	161 98.8%
2	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	63 6.8%	16 6.8%	19 7.3%	21 8.7%	7 4.3%
3	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	167 18.3%	61 26.0%	40 15.3%	43 17.8%	23 14.1%
4	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	74 7.9%	19 8.1%	23 8.8%	24 10.0%	8 4.9%
5	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	12 1.3%	3 1.3%	7 2.7%	0 0.0%	2 1.2%
6	Chuyển trường đến	2	0	1	0	1
	Chuyển trường đi	3	2	1	0	0
7	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
8	Bỏ học (trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.59%	1 0.4%	4 1.5%	1 0.4%	0 0.0%
IV	SỐ HỌC SINH ĐẠT GIẢI CÁC KỲ THI HỌC SINH GIỎI					
1	Cấp Thành phố	24	2	4	10	8
2	Cấp Tỉnh	17	1	1	4	11
3	Quốc gia	3			1	2
V	SỐ HỌC SINH DỰ XÉT HOẶC DỰ THI TỐT NGHIỆP	163 100%				163 100.0%
VI	SỐ HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP	161 98.8%				161 98.8%
VII	SỐ HỌC SINH DỰ THI LỚP 10 THPT (Tỷ lệ so với số tốt nghiệp)	136 84.5%				136 84.5%
VII	SỐ HỌC SINH NỮ	405	104	116	105	80
	SỐ HỌC SINH NAM	495	131	145	136	83
VIII	SỐ HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ	23 2.6%	6 2.6%	5 1.9%	7 2.9%	5 3.1%

Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Hào